

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-KCNĐN ngày 17/03/2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH Công nghệ chính xác Ngũ Kim Hui Zhuo (Việt Nam) tại nhà xưởng số 4, lô G, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ văn bản số 772/KCNĐN-MT ngày 03/04/2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Công nghệ chính xác Ngũ Kim Hui Zhuo (Việt Nam) tại văn bản số 10/HUIZHUO đề ngày 02/7/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của công ty tại nhà xưởng số 4, lô G, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công ty TNHH Công nghệ chính xác Ngũ Kim Hui Zhuo (Việt Nam) (sau đây gọi là chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất đầu gậy đánh Golf (không bao gồm công đoạn xi mạ), công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm” tại Nhà xưởng số 4, lô G, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất đầu gậy đánh Golf (không bao gồm công đoạn xi mạ), công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng số 4, lô G, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Khải Toàn).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3603948858 đăng ký lần đầu ngày 05/02/2024 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603948858

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đầu gậy đánh golf (không bao gồm công đoạn xi mạ).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng 3.516 m<sup>2</sup> (thuê nhà xưởng số 4 của Công ty Cổ phần Khải Toàn theo Hợp đồng cho thuê công trình xây dựng số 24/2024/HĐTXN.KT ngày 20/02/2024).

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 1.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất đầu gậy đánh golf: Nguyên liệu → Dập ép thô → Cắt tạo hình → Làm sạch cơ học/xử lý bề mặt bằng hoá chất → Mài, cắt CNC → Làm sạch thủ công → Lắp ráp → Khắc laser → Đóng gói.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày            tháng            năm 2024 đến ngày            tháng            năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (AD).

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trí Phương**

## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải của dự án sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống thu gom nước thải của Công ty Cổ phần Khải Toàn và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước theo Hợp đồng xử lý nước thải số 05/HĐXLNT ngày 20/06/2024 giữa Công ty TNHH Công nghệ chính xác Ngũ Kim Hui Zhuo (Việt Nam) và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

- Công ty không được xả thải trực tiếp ra môi trường

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của dự án với lưu lượng 8,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn nước thải về hố ga số G1-4 bên trong nhà xưởng số 4 (đảm bảo công tác giám sát) trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước.

- Nước thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt bằng hoá chất (từ công đoạn làm sạch ban đầu, bể rửa nước sạch sau khi qua tẩy dầu), với tổng lưu lượng khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN An Phước, sau đó dẫn về hố ga số G2-3 trong nhà xưởng số 4 (đảm bảo công tác giám sát) trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước.

- Nước thải từ hệ thống xử lý hơi hoá chất, với tổng lưu lượng khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/lần (định kỳ 01 tuần/lần) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN An Phước, sau đó dẫn về hố ga số G2-3 trong nhà xưởng số 4 (đảm bảo công tác giám sát) trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước.

- Vị trí đầu nối nước thải:

+ Vị trí 01: Hố ga số G1-4 trong nhà xưởng số 4. Toạ độ vị trí: X=1.192.454; Y = 419.548.

+ Vị trí 02: Hố ga số G2-3 trong nhà xưởng số 4. Toạ độ vị trí: X=1.192.469; Y = 419.612.

*(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>o</sup>45', múi chiều 3<sup>o</sup>).*

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải đầu vào* → *Hố thu gom* → *Bồn điều hoà* → *Bồn trung hoà* → *Bồn lắng hoá lý 1* → *Bồn trung gian* → *Cụm phản ứng (keo tụ - tạo bông)* → *Bồn lắng hoá lý 2* → *Hố ga đầu nổi nước thải của Công ty Cổ phần Khải Toàn* → *Hố ga đầu nổi nước thải của KCN An Phước về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước (tại 01 điểm trên đường số 8).*

- Công suất thiết kế: 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): NaOH, PAC, Polyme.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ 1 năm/lần thực hiện quan trắc nước thải đối với nước thải đầu ra theo Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN An Phước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được chứa tại bể chứa nước thải ban đầu của từng công đoạn của hệ thống xử lý trong thời gian 24 giờ để tạm thời lưu giữ nước thải, chờ khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, cần thời gian dài hơn để xử lý thì sẽ thông báo tạm ngưng các hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính đầu vào, đầu ra: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Cu, Fe, Sunfua, dầu mỡ khoáng.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: phải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN An Phước.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít

nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN An Phước và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN ( Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Khải Toàn, trước khi đầu nối về KCN An Phước để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm*  
*2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

+ Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình mài, cắt CNC, lưu lượng phát sinh lớn nhất 21.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình tẩy rửa bề mặt bằng acid, lưu lượng phát sinh lớn nhất 4.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quá trình phun bi, lưu lượng phát sinh lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ (không có dòng thải).

+ Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ quá trình phun cát, lưu lượng phát sinh lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ (không có dòng thải).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

+ Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (nguồn số 01) tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.199.920; Y = 412.956.

+ Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý hơi hoá chất (nguồn số 02) tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.199.943; Y = 412.812.

*(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>)*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

+ Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 21.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K<sub>v</sub> = 1,0, K<sub>p</sub> = 0,9, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
<b>I Dòng khí thải số 01</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	
<b>II Dòng khí thải số 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	45	
Các thông số còn lại tại Bảng 1- QCVN 19:2009/BTNMT phải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K <sub>v</sub> = 1,0, K <sub>p</sub> = 0,9				-

**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p = 0,9$ ).

(2) Chủ dự án vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải).

## **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình mài, cắt CNC được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 21.000 m<sup>3</sup>/giờ bằng đường ống thép có đường kính là  $\Phi 700$ mm.

- Khí thải phát sinh từ quá trình tẩy rửa bề mặt bằng hoá chất được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý khí thải, công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/giờ bằng đường ống nhựa PVC có đường kính là  $\Phi 300$ mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi đối với nguồn số 01.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Đường ống thu gom → Thiết bị lọc túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 21.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ nguồn số 02.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 4.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:



- 01 Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình mài, cắt CNC, công suất thiết kế 21.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ quá trình tẩy rửa bề mặt bằng acid, công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A 2.2.2 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm  
2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ khu vực dập ép thô.
- Nguồn số 02: từ khu vực dập ép tạo hình.
- Nguồn số 03: từ khu vực phun cát.
- Nguồn số 04: từ khu vực mài, cắt CNC.
- Nguồn số 05: từ hệ thống xử lý hơi hoá chất.
- Nguồn số 06: từ hệ thống xử lý bụi.
- Nguồn số 07: từ hệ thống xử lý nước thải.

##### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: từ khu vực dập ép thô; tọa độ: X = 1.199.670; Y = 412.347.
- Nguồn số 02: từ khu vực dập ép tạo hình; tọa độ: X = 1.199.623; Y = 412.378.
- Nguồn số 03: từ khu vực phun cát; tọa độ: X = 1.199.651; Y = 412.356.
- Nguồn số 04: từ khu vực mài, cắt CNC; tọa độ: X = 1.192.621; Y = 412.386.
- Nguồn số 05: từ hệ thống xử lý hơi hoá chất; tọa độ: X = 1.199.711; Y = 412.426
- Nguồn số 06: từ hệ thống xử lý bụi; tọa độ: X = 1.199.812; Y = 412.498
- Nguồn số 07: từ hệ thống xử lý nước thải; tọa độ: X = 1.199.806; Y = 412.326

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{\text{aeq}}$ ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm  
2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Lỏng	NH	1.500
2	Vật liệu mài dạng hạt đã qua sử dụng (cát mài thải)	07 03 08	Rắn	KS	60
3	Vụn kim loại, bazơ nhiễm dầu từ quá trình cắt, chấn	07 03 11	Rắn	KS	502
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	240
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	500
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	60
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	120
8	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	110
9	Túi vải, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	210
10	Linh kiện thiết bị điện, điện tử thải (đèn led)	19 02 06	Rắn	NH	50
11	Pin, Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	5
12	Axit tẩy thải	07 01 01	Lỏng	NH	1.000
13	Hoá chất thải	13 01 02	Lỏng	KS	1.000
<b>Tổng khối lượng dự kiến</b>					<b>5.357</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Mạt, vụn kim loại dư thừa, sản phẩm không đạt chất lượng (không nhiễm thành phần nguy hại)	-	Rắn	-	4.525
2	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT	10
3	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng (không nhiễm thành phần nguy hại)	18 01 05	Rắn	TT	270
4	Pallet gỗ	09 01 02	Rắn	TT	90
<b>Tổng khối lượng dự kiến</b>					<b>4.895</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Nhóm thực phẩm	6,78
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	8,82
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>15,6</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, nền chống thấm.

Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 240 lít và 660 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực sản xuất.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không**

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty

Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

## **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**